

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 94/2020/HNGĐ-ST

Ngày 10-6-2020

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Hương

Ông Phạm Văn Sóng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 208/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh H, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn 7, xã H, huyện N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị V, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn Đích Sơn, xã G, thị xã K, tỉnh Hải Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06 tháng 02 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là anh H trình bày:

Anh kết hôn với chị V năm 2017 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, thành phố Hải Phòng vào ngày 11 tháng 12 năm 2017. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại thôn 7, xã H, huyện N, thành phố Hải Phòng. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh và chị V đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Chị V đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đích Sơn, xã G, thị xã K,

tỉnh Hải Dương sống từ tháng 01 năm 2020 và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh H khẳng định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị V không còn nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị V.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung là 01 nhà xây trên đất của bố mẹ đẻ anh tại thôn 7, xã H, huyện N, thành phố Hải Phòng. Khi ly hôn anh H đề nghị Tòa án để vợ chồng tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 16 tháng 3 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là chị V trình bày:

Chị kết hôn với anh H năm 2017 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại thôn 7, xã H, huyện N, thành phố Hải Phòng. Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đ, xã G, thị xã K, tỉnh Hải Dương sống từ tháng 01 năm 2020 và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay anh H yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn chị, chị khẳng định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh H.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng có tài sản chung nhưng để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và ý kiến về việc giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn là anh H và bị đơn là chị V trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là anh H. Về hôn nhân: Cho anh H được ly hôn chị V. Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là chị V có nơi cư trú tại thôn 11, xã G, thị xã K, tỉnh Hải Dương nhưng chị V và anh H thỏa thuận với nhau bằng văn bản yêu cầu Tòa án nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng là Tòa án nơi cư trú của nguyên đơn anh H giải quyết tranh chấp về ly hôn giữa nguyên đơn là anh H và bị đơn là chị V nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là chị V vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là chị V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị V kết hôn với nhau năm 2017 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, thành phố Hải Phòng vào ngày 11 tháng 12 năm 2017 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng anh H và chị V chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nay anh H khẳng định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị V không còn nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị V, chị V khẳng định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh H và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Tài liệu xác minh có trong hồ sơ vụ án thể hiện mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị V do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên vợ chồng xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị V đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Anh H và chị V đã sống ly thân nhau từ tháng 01 năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Như vậy thể hiện hôn nhân giữa anh H và chị V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh H, cho anh H được ly hôn chị V.

[3] Về con chung: Anh H và chị V không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh H và chị V thống nhất vợ chồng có tài sản chung. Khi ly hôn anh H và chị V thống nhất đề nghị Tòa án để vợ chồng tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung trong vụ án này, khi các đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Cho anh H được ly hôn chị V.
2. Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000707 ngày 10 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, thành phố Hải Phòng. Anh H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.
3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xãH, huyện N, thành phố Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hiền

